

Số: **55/2025/TT-BCT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2025.

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về việc phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và các văn kiện có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và thay thế một số nội dung của Thông tư số 07/2019/TT-BCT ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất khẩu hàng dệt may sang Mê-hi-cô theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“Bộ Công Thương công bố lượng hạn ngạch thuế quan của các năm tiếp theo trên cơ sở cam kết tại Thụ song phương ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Kinh tế Mê-hi-cô về Thương mại giữa Mê-hi-cô và Việt Nam đối với một số mặt hàng dệt may sử dụng nguồn cung thiếu hụt và đối với quần áo trẻ em”.



2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“Có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu CPTPP (Certificate of Origin form CPTPP) được cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

“Hàng dệt may nằm ngoài hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 01, 02, 03 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa quy định tại Hiệp định CPTTP và Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương) được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 4 như sau:

Hàng dệt may theo hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 04 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa quy định tại Hiệp định CPTTP và Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương) được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 4 như sau:

“Hàng dệt may nằm ngoài hạn ngạch thuế quan tại số thứ tự 04 quy định tại Phụ lục I của Thông tư này đáp ứng quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng quy định tại Điều 5 của Thông tư này được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu của Mê-hi-cô theo CPTPP. Nội dung kê khai trên Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu CPTPP của Việt Nam đối với hàng dệt may theo quy định tại điểm này thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BCT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương”.

6. Thay thế Mẫu số 02 (Chứng thư xuất khẩu), Mẫu số 03 (Chứng thư xuất khẩu khai bổ sung) và Mẫu số 04 (Đăng ký thông tin thương nhân) Phụ lục III của Thông tư số 07/2019/TT-BCT bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03 và Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2026/.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính - Văn phòng Chính phủ;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

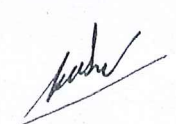


Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 55/TT-BCT
ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Mẫu số 02	Chứng thư xuất khẩu
Mẫu số 03	Chứng thư xuất khẩu khai bổ sung
Mẫu số 04	Đăng ký thông tin thương nhân



Mẫu số 02

CERTIFICATE OF ELIGIBILITY

Certificate number: (For certificate issuing authority)		Pages: /	
1. Name, Address of Exporter:		2. Name, Address of Importer or Consignee:	
3. Exporting Country/ Region:		4. Means of Transport:	
5. Place of Loading:		6. Place of Destination:	
7. Item No.	8. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of importing country)	9. Quantity of goods	10. Description of the material on the Short Supply List of Products used in the manufacture of the good exported
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; (Place and date, signature of authorised signatory)		12. Place and date, signature of authorized officer and certificate issuing authority	
13. Remarks:			



Mẫu số 03

ADDITIONAL PAGE(S) OF CERTIFICATE OF ELIGIBILITY

Certificate number: (For certificate issuing authority)			Pages: /
7. Item No.	8. Mark, number and kind of packages; description of goods (including HS number of importing country)	9. Quantity of goods	10. Description of the material on the Short Supply List of Products used in the manufacture of the good exported
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct. (Place and date, signature of authorised signatory)			12. Place and date, signature of authorized officer and certificate issuing authority



Mẫu số 04

REGISTRATION OF ENTERPRISE

No: ...

1. Name of Enterprise:	
2. Head office address:	
3. Telephone:	4. Fax:
5. Email:	
6. Name and address of textile or apparel facilities:	
6.1	
6.2	
6.3	
7. Number of employees:	
8. Description of the textile or apparel goods:	
8.1	
8.2	
8.3	
9. Production capacity:	
10. Number and type of machines for the textile or apparel goods:	
11. Approximate number of hours used to produce the textile or apparel goods:	
12. Name and address of suppliers:	
12.1	
12.2	
12.3	
13. Name of, and contact information for direct customers in Mexico:	
13.1	
13.2	
13.3	
14. Imports <i>(a yearly summary of HTS numbers at the six-digit tariff line, value and volume of goods for the preceding two years):</i>	
15. Exports to Mexico <i>(a summary of HTS numbers at the six-digit tariff line, value and volume of goods for the preceding two years):</i>	

